TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Nguyễn Thị Nhạn

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1832/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1970; Địa chỉ: 102/11, khu phố 1, phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Lê Thị Thanh L, sinh năm 1974; Địa chỉ: 22/2, khu phố 2, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Hoàng H trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Hoàng H) và bà Lê Thị Thanh L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 1997, đến năm 1998 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/TN, quyển số 15/1998, ngày 23/02/1998. Hôn nhân của tôi và bà L là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm và không tôn trọng nhau, vợ chồng ngồi lại nói chuyện nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không

còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng từ đó cho tới nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và bà Loan không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Thanh L.

- Về con chung: Tôi và bà Lê Thị Thanh L có 02 con chung tên là Trần Hoàng C, sinh ngày 29/12/1997 và Trần Lê Huyền T, sinh ngày 06/11/2003. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu C đã thành niên và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Lê Thị Thanh L Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Thanh L không thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoàng H về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Hoàng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thanh L, sinh năm 1974; Địa chỉ: 22/2, khu phố 2, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh L Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng H và bà Lê Thị Thanh L chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TNh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/TN, quyển số 15/1998, ngày 23/02/1998. Căn cứ vào các Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân giữa ông H và bà L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hoàng H kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thanh L, vì trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm và không tôn trọng nhau, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để ông H và bà L đoàn tụ nhưng bà L đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Theo biên bản xác minh ngày 20/11/2020 tại UBND phường BL có ghi nhận nội dung: "Bà Lê Thị Thanh L không còn sống chung với ông Trần Hoàng Hải từ nhiều năm nay. Bà Loan hiện đang sống cùng cha mẹ ruột tại địa chỉ: 22/2, khu phố 2, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN. Ông H và các con sinh sống tại địa chỉ phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN" và theo biên bản xác minh ngày 20/11/2020 tại Công an phường BL, thành phố BH có ghi nhận nội dung: "Bà Lê Thị Thanh L có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: 22/2, khu phố 2, phường BL, thành phố BH, chủ hộ là ông Lê Văn M, hồ sơ hộ khẩu số 033-02207)". Việc bà L không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy ông H và bà L đã ly thân mỗi người ở một nơi, không còn sống chung đời sống vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho ông Trần Hoàng H được ly hôn với bà Lê Thị Thanh L.

- Về con chung: Tại phiên tòa, ông H yêu cầu HĐXX xem xét cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Lê Huyền T, sinh ngày 06/11/2003 và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Trần Hoàng C, sinh ngày 29/12/1997 đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, theo bản khai có tại hồ sơ thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với ba ruột là ông Trần Hoàng H vì cháu được ba Hải chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc 3 tuổi cho đến nay. Ý chí của cháu T là tự nguyện nên ghi nhận. Còn bà L và ông H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi từ năm 2007 cho đến nay, không còn sống chung một nhà. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao cháu T cho ông H tiếp

tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng cho con. Còn đối với cháu C đã thành niên và có gia đình riêng nên HĐXX không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Ông Trần Hoàng Hải phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng H được ly hôn với bà Lê Thị Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Lê Huyền T, sinh ngày 06/11/2003 cho ông Trần Hoàng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Lê Thị Thanh L không phải cấp dưỡng cho con. Cháu Trần Hoàng C đã thành niên và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà L không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Hoàng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông H đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lê Thị Thanh L vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.